

CÔNG TY CỔ PHẦN SỬ KỸ THUẬT HOÀNG LIÊN SƠN
HOANG LIEN SON TECHCAL CERAMICS JOINT STOCK COMPANY

Số 93, đường Lê Lợi, P.Yên Ninh, TP.Yên Bái, tỉnh Yên Bái
Tel: 0216.3852477; 0126.2210388 - Fax: 0216.3853083
E-mail: info@hoceratec.com.vn - Website: http://www.hoceratec.com.vn



BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN NĂM 2019
CÔNG TY CỔ PHẦN SỬ KỸ THUẬT
HOÀNG LIÊN SƠN

Tháng 5 năm 2020

PHẦN I - TỔNG QUAN VỀ CÔNG TY CỔ PHẦN SỨ KỸ THUẬT HOÀNG LIÊN SƠN

I. THÔNG TIN CHUNG

- Tên tiếng việt: **Công ty cổ phần Sứ kỹ thuật Hoàng Liên Sơn**
- Tên giao dịch quốc tế: **Hoang Lien Son Technical Ceramics Joint Stock Company**
- Tên viết tắt: **HOCERATEC**
- Vốn điều lệ: 65.279.560.000 đồng (sáu mươi lăm tỷ, hai trăm bảy mươi chín triệu, năm trăm sáu mươi ngàn đồng chẵn)
- Giấy chứng nhận ĐKKD và đăng ký thuế số 5200216710 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Yên Bái cấp ngày 01/01/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 21/06/2018.
- Địa chỉ: Số 93 - Đường Lê Lợi - Phường Yên Ninh - Thành phố Yên Bái - Tỉnh Yên Bái
- Điện thoại: 0216 3 852477 - 0216 2 210388 Fax: 0216 3 853083
- Website: www.hoceratec.com.vn ; Email: info@hoceratec.com.vn
- Loại hình doanh nghiệp: Công ty cổ phần

II. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CỦA CÔNG TY

1. Quá trình hình thành và phát triển

- **Thành lập:** Công ty cổ phần Sứ kỹ thuật Hoàng Liên Sơn (*sau đây gọi là "Công ty"*) tiền thân là doanh nghiệp Nhà nước (Xí nghiệp Sứ Hoàng Liên Sơn) được thành lập ngày 07/11/1979 theo Quyết định số 38/TTg ngày 13/02/1981 của Thủ tướng Chính phủ.
- **Từ năm 1979 - 1991:** Nhà máy Sứ Hoàng Liên Sơn là doanh nghiệp quốc doanh thuộc tỉnh Hoàng Liên Sơn, năng lực sản xuất 720 tấn sản phẩm/năm.
- **Năm 1992** Nhà máy sứ Hoàng Liên Sơn được thành lập lại theo Quyết định số 220/QĐ-UB ngày 29/12/1992 của UBND tỉnh Yên Bái lấy tên là Công ty Sứ kỹ thuật Hoàng Liên Sơn.
- **Năm 1993** đầu tư tăng năng lực sản xuất lên 750 tấn sản phẩm/năm.
- **Năm 2000** đầu tư tăng năng lực lên 1.750 tấn sản phẩm/năm.
- **Năm 2004** đầu tư tăng năng lực lên 2.750 tấn sản phẩm/năm.
- Cổ phần hóa chuyển từ doanh nghiệp Nhà nước Công ty Sứ kỹ thuật Hoàng Liên Sơn thành Công ty cổ phần Sứ kỹ thuật Hoàng Liên Sơn từ ngày 01/01/2004.
- Vốn điều lệ tại thời điểm cổ phần hoá: 8.458.600.000 đồng.
Trong đó: Vốn nhà nước (UBND tỉnh Yên Bái) 56%: 4.739.600.000 đồng
Vốn cổ đông là người lao động (NLĐ) trong công ty 44%: 3.719.000.000 đồng
- **Năm 2008:** Vốn điều lệ tại thời điểm 30/5/2008: 35.000.000.000 đồng
- Ngày 14/08/2008: Công ty đã được UBCK Nhà nước chấp thuận là công ty đại chúng.
- **Năm 2009:** Vốn điều lệ tại thời điểm 28/02/2009: 29.740.000.000 đồng
- **Năm 2010 đến 5/2016:**
Vốn điều lệ công ty đến thời điểm 15/7/2010: 34.000.000.000 đồng
- **Tháng 6/2016:** Vốn điều lệ công ty: 34.000.000.000 đồng

- Ngày 24/5/2016 Tổng công ty Công nghiệp tàu thủy (SBIC) thoái toàn bộ vốn Nhà nước tại Công ty 4.739.600.000 đồng cho các nhà đầu tư trúng đấu giá, kể từ thời điểm này cơ cấu vốn điều lệ thay đổi, Nhà nước không còn sở hữu vốn tại công ty.
- **Tháng 3/2017:** Công ty được Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD) cấp Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán lần đầu (số 70/2017/GCNCP-VSD ngày 30/03/2017), mã chứng khoán HLS.
- **Tháng 9/2017:** Vốn điều lệ công ty: 54.399.990.000 đồng
- **Tháng 10/2017:** Công ty được Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu của Công ty (Quyết định số 841/QĐ-SGDHN ngày 05/10/2017).
- **Tháng 6/2018:** Vốn điều lệ công ty: 65.279.560.000 đồng

2. Các sự kiện khác

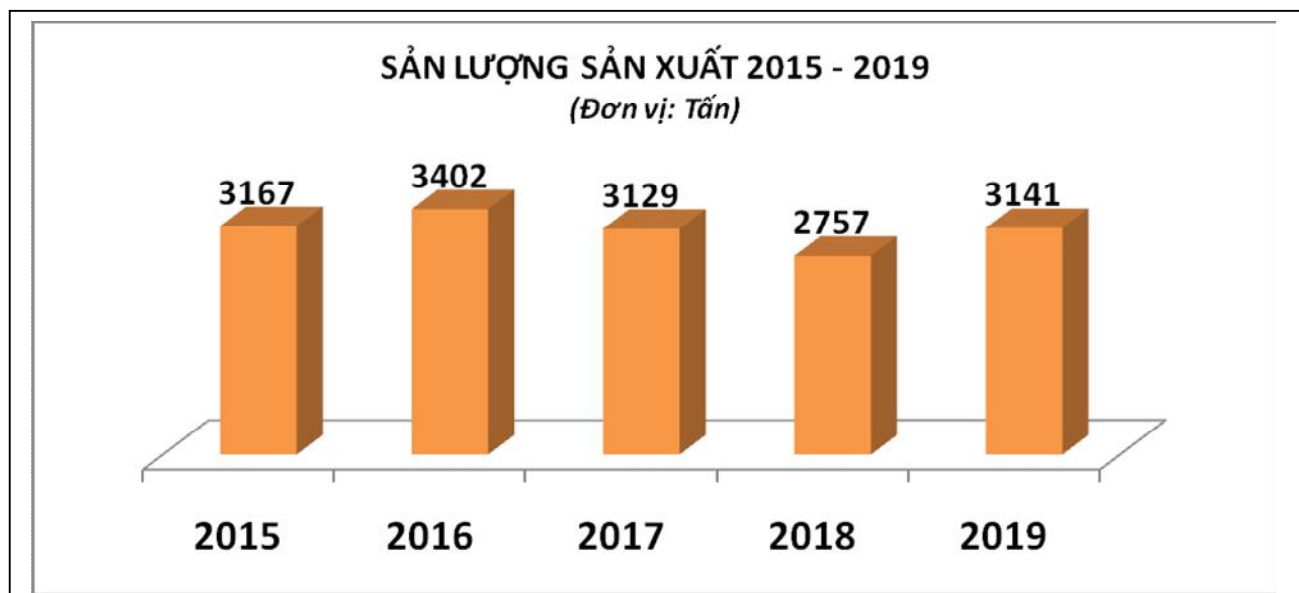
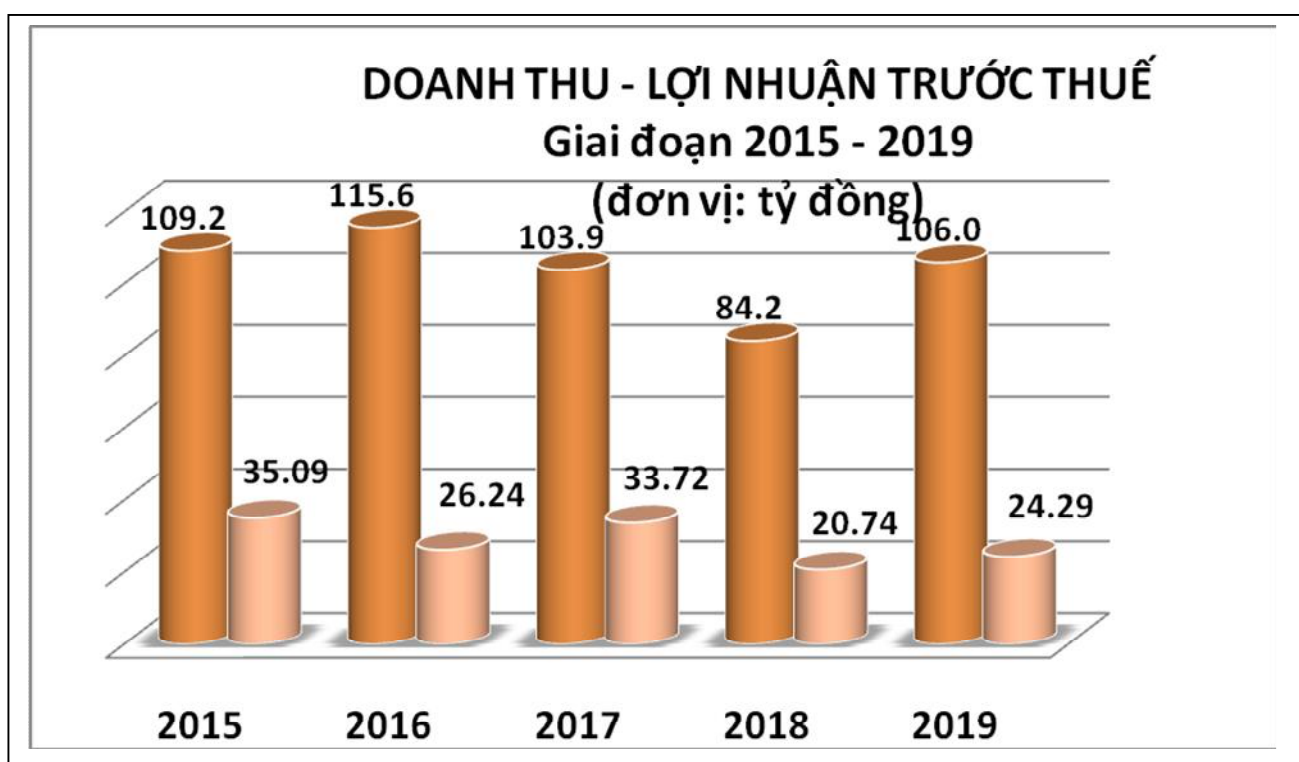
Công ty đã đạt giải thưởng Quả cầu vàng chất lượng Việt Nam; Giải thưởng chất lượng Quốc tế Châu Á - Thái Bình Dương; Cúp vàng thương hiệu Việt; Giải thưởng "Thương hiệu xanh phát triển"; Bằng khen, Cờ thi đua của Chính phủ, Huân chương lao động Hạng III; Danh hiệu "Đơn vị Anh hùng Lao động thời kỳ đổi mới"; Giải thưởng 100 Thương hiệu Việt bền vững lần 3 năm 2017; Giải thưởng Doanh nghiệp vì người lao động năm 2016; Top 10 doanh nghiệp tín nhiệm nhất Việt Nam năm 2018; Thương hiệu Việt Nam bền vững năm 2019... và nhiều bằng khen, cờ thi đua của UBND tỉnh Yên Bái, của các Bộ ngành, Đảng uỷ Khối doanh nghiệp Trung ương và Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam.

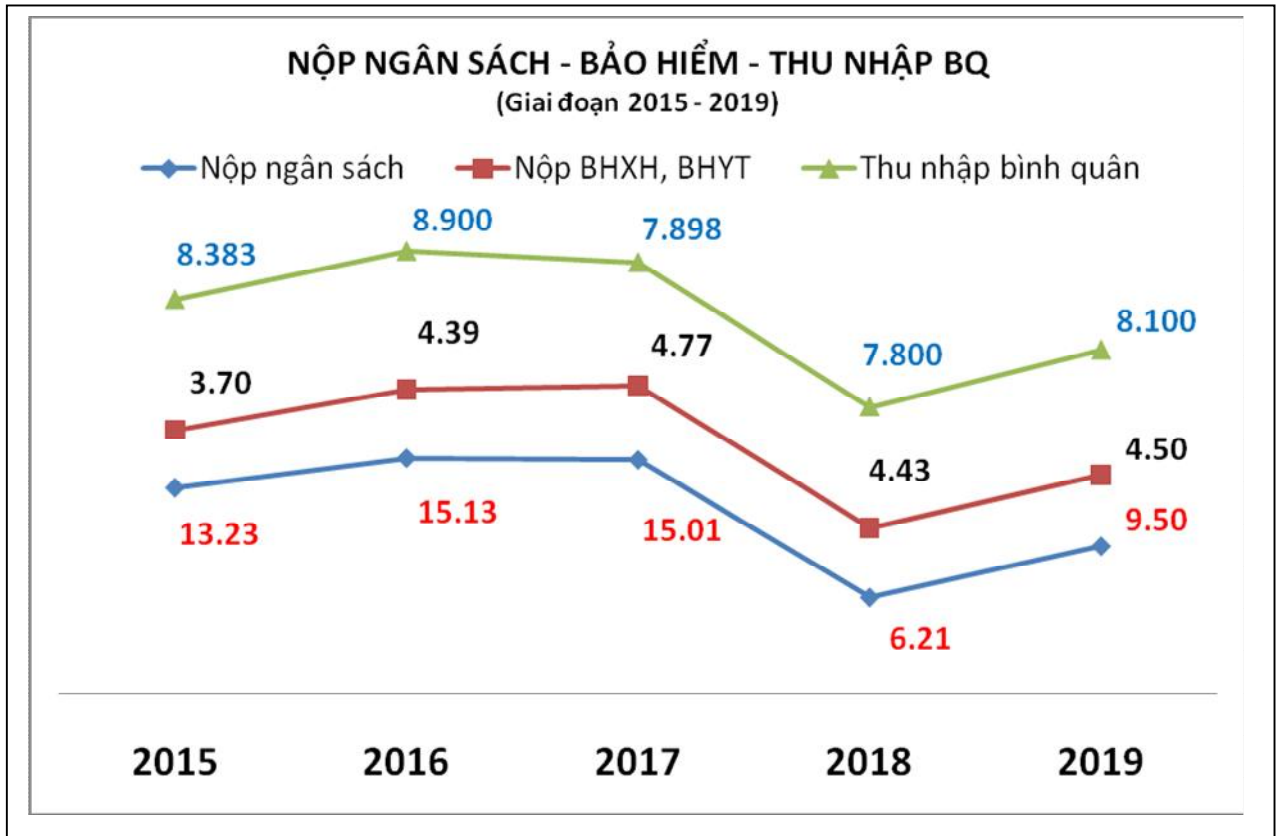
3. Tình hình phát triển

- Năng lực sản xuất theo thiết kế: 2.750 tấn sản phẩm/năm
- Năng lực sản xuất có thể khai thác: 3.200 tấn sản phẩm/năm
- Thiết bị sản xuất chính do Cộng hoà Liên bang Đức chế tạo đạt trình độ trung bình tiên tiến trên thế giới; mức độ tự động hoá 40%, 60% cơ khí hoá.
- Sản phẩm sản xuất: Sứ cách điện các loại có cấp điện áp đến 110kV, gồm 05 nhóm sản phẩm chính (Sứ đỡ đường dây, sứ máy biến áp, sứ cầu dao, sứ cầu chì và các loại sứ khác như sứ vỏ sét van, sứ xuyên tường, sứ máy cắt, các loại sứ kỹ thuật khác ...) Sản phẩm được sản xuất, kiểm tra, thử nghiệm theo tiêu chuẩn Việt Nam và các tiêu chuẩn quốc tế IEC, DIN, ANSI, JIS...
- Công ty áp dụng đồng thời 3 Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn Quốc tế: ISO 9001:2015; ISO 14001:2015; ISO/IEC 17025: 2005.
- Kết quả hoạt động sản xuất - kinh doanh 5 năm gần nhất:

Chỉ tiêu	Đơn vị	2015	2016	2017	2018	2019	Tỷ lệ so sánh (%)			
							2016/2015	2017/2016	2018/2017	2019/2018
Sản lượng SX	Tấn	3.167	3.402	3.129	2.757	3.141	107%	92%	88%	114%
Doanh thu	Tỷ đồng	109,19	115,64	103,93	84,20	106,00	106%	90%	81%	126%

<i>Trong đó: Xuất khẩu</i>	Tỷ đồng	15,05	12,91	17,01	5,87	12,91	86%	132%	35%	220%
Nộp Ngân sách	Tỷ đồng	13,22	15,12	15,01	6,21	9,50	114%	99%	41%	153%
Nộp BHXH, BHYT	Tỷ đồng	3,69	4,39	4,77	4,43	4,50	119%	109%	93%	102%
Thu nhập bình quân	triệudồng /ng/tháng	8,383	8,900	7,898	7,800	8,100	106%	89%	99%	104%
Lợi nhuận trước thuế	tỷ đồng	35,092	26,242	33,721	20,741	24,292	75%	129%	62%	117%
Lợi nhuận sau thuế	tỷ đồng	27,390	18,088	26,970	16,587	19,387	66%	149%	62%	117%
Lãi cơ bản/ cổ phần	đồng	7.092	4.682	4.363	2.743	2.970	66%	93%	63%	108%
Cổ tức	%	68,5	70,0	50,0	15,0	<i>ước 32,0</i>	102%	71%	30%	213%





III. NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

1. Ngành nghề kinh doanh

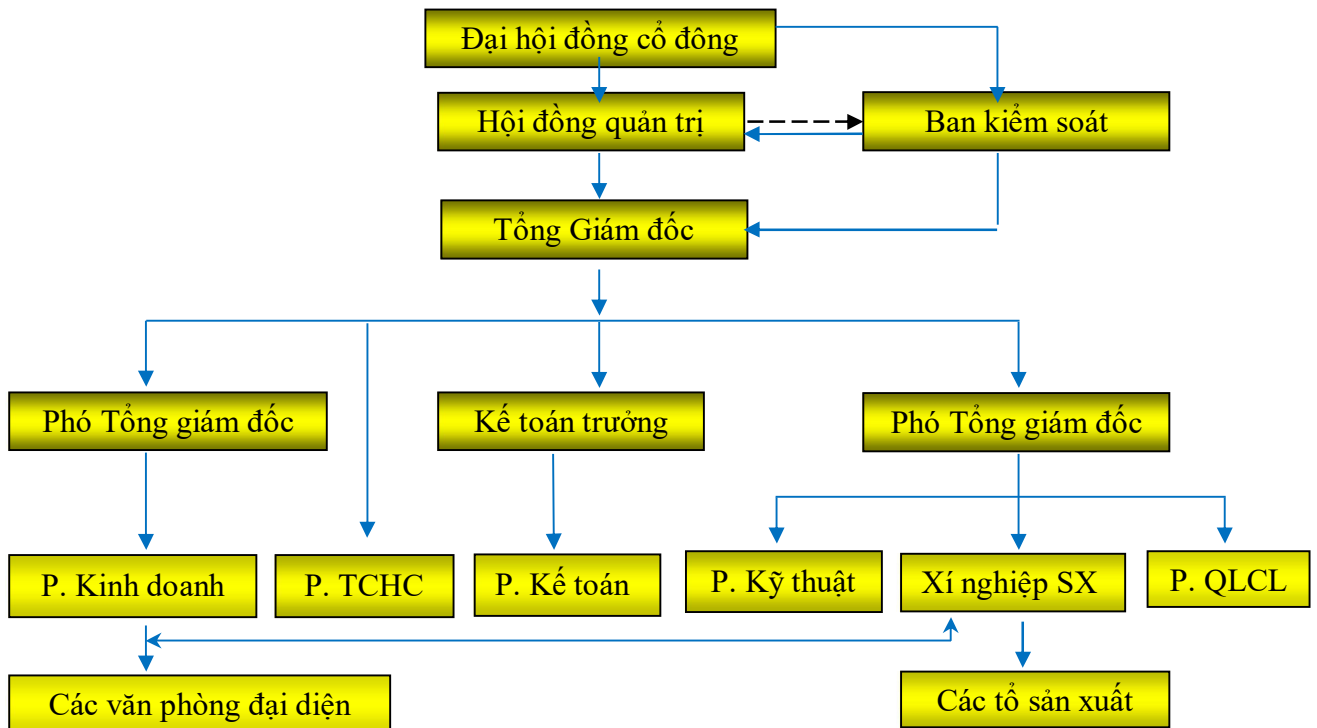
- a) Sản xuất, kinh doanh sứ cách điện, gồm sứ kỹ thuật, vật liệu chịu lửa, thủy tinh cách điện, polymer cách điện và các phụ kiện đồng bộ; sản xuất, kinh doanh, xuất khẩu thiết bị điện cho đường dây và trạm;
- b) Kinh doanh xuất, nhập khẩu trực tiếp nguyên, nhiên, vật liệu, tư liệu để sản xuất sứ cách điện, gồm sứ kỹ thuật, vật liệu chịu lửa, thủy tinh cách điện, polymer cách điện và thiết bị bảo vệ đường dây;
- c) Nhập khẩu trực tiếp máy móc, thiết bị sản xuất;
- d) Khai thác, chế biến, xuất nhập khẩu khoáng sản;
- đ) Kinh doanh bán buôn bán lẻ xăng dầu và các sản phẩm liên quan;
- e) Chế biến cao lanh, thạch anh, fenspat;
- f) Khai thác cao lanh, thạch anh, fenspat;
- g) Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- h) Các ngành nghề khác mà pháp luật không cấm.

2. Địa bàn kinh doanh

- Thị trường tiêu thụ sản phẩm sứ cách điện là các đơn vị thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam tại 63 tỉnh, thành phố trong nước; Thị trường xuất khẩu gồm các nước: Thái Lan, Malaysia, Lào...
- Bình quân mỗi năm công ty sản xuất, tiêu thụ 3.000 tấn sản phẩm.

IV. THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

1. Mô hình quản trị và cơ cấu bộ máy quản lý, điều hành trong công ty



2. Thông tin về Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban điều hành công ty

2.1. Hội đồng quản trị:

❖ Tóm tắt lý lịch Hội đồng quản trị:

Số TT	Họ và tên	Chức vụ	năm sinh	Trình độ văn hoá	Trình độ chuyên môn
1	Ông Nguyễn Khắc Sơn (Quốc tịch: Việt Nam)	Chủ tịch HĐQT	1962	10/10	Kỹ sư công nghệ vật liệu xây dựng
2	Ông Nguyễn Thanh Hà (Quốc tịch: Việt Nam)	Thành viên HĐQT Tổng Giám đốc	1965	10/10	Cử nhân kinh tế; kỹ sư xây dựng
3	Ông Vũ Ngọc San (Quốc tịch: Việt Nam)	Thành viên HĐQT Phó Tổng Giám đốc	1962	10/10	Cử nhân kinh tế
4	Bà Nguyễn Thị Kim Hoa (Quốc tịch: Việt Nam)	Thành viên HĐQT Phó Tổng Giám đốc	1962	10/10	Cử nhân kinh tế
5	Ông Vũ Ngọc Cường (Quốc tịch: Việt Nam)	Thành viên HĐQT	1985	12/12	Đại học

❖ Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết của Hội đồng Quản trị:

Số TT	Họ và tên	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Số cổ phần (CP)	Giá trị cổ phần (triệu đồng)	Tỷ lệ góp vốn (%)	Số giấy CMND /Giấy CNĐKKD
1	Ông Nguyễn Khắc Sơn	Tổ 11, P.Minh Tân, TP.Yên Bái, Tỉnh Yên Bái	422.400	4.224	6,47	060146541
2	Ông Nguyễn Thanh Hà	Số 964 đường Yên Ninh, Tổ 9, P.Minh Tân TP. Yên Bái, tỉnh Yên Bái	97.920	979,2	1,50	063167199
3	Ông Vũ Ngọc San	Tổ 9, P.Minh Tân, TP.Yên Bái, tỉnh Yên Bái	115.200	1.152	1,76	060166014
4	Bà Nguyễn Thị Kim Hoa	Tổ 9, P.Minh Tân, TP.Yên Bái, tỉnh Yên Bái	481.708	4.817,8	7,38	060577485

5	Ông Vũ Ngọc Cường	Số 39, Đỗ Ngọc Thạnh, P.14, Q.5, TP.Hồ Chí Minh	696.441	6.964,41	10,67	013639883
---	-------------------	---	---------	----------	-------	-----------

2.2. Ban Kiểm soát:

❖ Tóm tắt lý lịch Ban Kiểm soát:

Số TT	Họ và tên	Chức vụ	Năm sinh	Trình độ văn hoá	Trình độ chuyên môn
1	Bà Đinh Thị Lục (Quốc tịch: Việt Nam)	Trưởng Ban kiểm soát	1951	10/10	Trung cấp XD
2	Ông Vũ Tuấn Việt (Quốc tịch: Việt Nam)	Thành viên Ban kiểm soát	1983	12/12	Cử nhân TCNH
3	Ông Nguyễn Kim Cương (Quốc tịch: Việt Nam)	Thành viên Ban kiểm soát	1973	12/12	Cử nhân kinh tế

❖ Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết của Ban Kiểm soát:

Số TT	Họ và tên	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Số cổ phần (CP)	Giá trị cổ phần (triệu đồng)	Tỷ lệ góp vốn (%)	Số giấy CMND /Giấy CNĐKKD
1	Bà Đinh Thị Lục	Tổ 48, P.Minh Tân, TP.Yên Bái, Tỉnh Yên Bái	380.000	3.800	5,82	060164784
1	Ông Vũ Tuấn Việt	Tổ 44, P.Hồng Hà, TP.Yên Bái, Tỉnh Yên Bái	20.563	205,63	0,31	060686116
2	Ông Nguyễn Kim Cương	Số 16, Ngõ 5, Phố Hoàng Sâm, Tổ 36, P.Nghĩa Đô, Q.Cầu Giấy, TP.Hà Nội	1.344	13,44	0,02	012162159

2.3. Ban điều hành

- (Chi tiết nêu tại tiểu mục 1, mục II, Phần II).

V. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

- Căn cứ vào Quyết định số 1208/QĐ-TTg ngày 21/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch phát triển Điện lực quốc gia giai đoạn 2011-2020, có xét đến 2030 (Quy hoạch điện VII);
- Căn cứ vào Quy hoạch phát triển Công nghiệp tỉnh Yên Bái giai đoạn 2010 -2020 được phê duyệt tại Quyết định số 1120/QĐ-UBND ngày 15/7/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Yên Bái lần thứ XVIII nhiệm kỳ 2015-2020.
- Căn cứ vào qui hoạch phát triển của Công ty giai đoạn 2020-2025.

1. Các mục tiêu chủ yếu của công ty trong nhiệm kỳ 2016 - 2020

- Sản xuất kinh doanh có hiệu quả; bảo toàn và phát triển vốn chủ sở hữu; đảm bảo hài hoà, tối đa lợi ích công ty, cổ đông, người lao động và xã hội; có tích lũy tài chính để tái đầu tư cho phát triển sản xuất, kinh doanh phù hợp với nhu cầu của thị trường; bảo vệ và phát triển thương hiệu công ty.
- Sản lượng sản xuất: duy trì mức từ 2.900 tấn sản phẩm/ năm trở lên.
- Doanh thu: đạt 101 tỷ đồng/ năm trở lên.
- Duy trì tỷ lệ thu hồi sản phẩm nung bình quân: từ 83% trở lên.
- Nộp ngân sách và các khoản Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp đủ số phát sinh theo Luật định.
- Lợi nhuận bình quân hàng năm: Đạt từ 20% doanh thu trở lên.
- Mức trả cổ tức: Từ 20% năm trở lên.

- Thu nhập bình quân: Đạt 8,0 triệu đồng/người/tháng trở lên.
- Đảm bảo tốt nhiệm vụ an ninh, quốc phòng.
- Các tổ chức đoàn thể được tạo điều kiện hoạt động hiệu quả.
- Trở thành đơn vị dẫn đầu sản xuất, kinh doanh sản phẩm sứ cách điện tại Việt Nam.

2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- Về kinh doanh: Ổn định và giữ vững thị trường trong nước, phát triển thị trường xuất khẩu, trong đó ưu tiên là thị trường khu vực ASEAN. Đổi mới tổ chức hệ thống và phương thức bán hàng theo hướng phân phối toàn bộ sản phẩm qua các đại lý; lựa chọn các nhà cung cấp có năng lực cạnh tranh để nâng cao chất lượng cung ứng vật tư và dịch vụ phục vụ sản xuất kinh doanh.
- Về sản phẩm: Duy trì ổn định sản xuất và nâng cao chất lượng sản phẩm truyền thống; nghiên cứu sản xuất một số sản phẩm mới đáp ứng nhu cầu khách hàng như sứ máy cắt, lọc bụi, sứ cách điện cho trạm biến áp và truyền tải điện cấp điện áp từ 110kV - 220kV; các sản phẩm yêu cầu chất lượng cao hơn sản phẩm truyền thống để cung cấp cho các thị trường khó tính như Nhật Bản, EU...
- Về Đầu tư thiết bị công nghệ:
 - + Tiếp tục nghiên cứu phối liệu để làm được sứ cao thế 110kV - 220kV và nâng cao độ bền cơ sản phẩm, giảm độ ẩm phối liệu, tăng tỷ trọng tự động hoá trong gia công sản phẩm.
 - + Nghiên cứu, triển khai từng bước đổi mới, nâng cấp thiết bị, công nghệ sản xuất (ưu tiên đầu tư nâng cấp thiết bị gia công nguyên liệu, máy luyện chân không, máy tạo hình tự động, thiết bị nung sản phẩm, thiết bị thí nghiệm - kiểm tra nguyên liệu đầu vào, đầu ra, lò nung thí nghiệm)...
- Đầu tư xây dựng cơ bản khác: Cải tạo, nâng cấp hệ thống nhà xưởng, đường nội bộ, các công trình bảo vệ môi trường, công trình phúc lợi.
- Về nhân lực: Sắp xếp cơ cấu hợp lý và thường xuyên đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng làm việc của đội ngũ lao động đáp ứng với yêu cầu đầu tư phát triển của công ty.
- Về vốn: Sử dụng vốn đúng mục đích, an toàn, có hiệu quả; tuân thủ pháp luật về quản lý tài chính; tuân thủ các quy định của pháp luật về chứng khoán.
- Về quản trị: Hoàn thiện và ổn định về tổ chức; cải tiến, hoàn thiện cơ chế quản trị nội bộ đảm bảo tuân thủ pháp luật, đáp ứng yêu cầu phát triển công ty; duy trì, cải tiến nâng cao hiệu quả hoạt động của các hệ thống quản lý chất lượng, môi trường, thử nghiệm, hợp chuẩn; áp dụng các biện pháp sử dụng tiết kiệm và hiệu quả tất cả các nguồn lực, các nguồn năng lượng, giảm thiểu chất thải, ngăn ngừa ô nhiễm, bảo vệ môi trường; duy trì có hiệu quả các hệ thống quản lý, bảo đảm thực hiện mục tiêu chất lượng; xây dựng, áp dụng hệ thống quản lý năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.

3. Các rủi ro

- Hoạt động sản xuất, kinh doanh của công ty chịu ảnh hưởng khi có sự thay đổi về giá cả nguyên, nhiên, vật liệu đầu vào. Trong đó đặc biệt là giá nhiên liệu và giá điện.
- Sản phẩm sản xuất của công ty hiện cung cấp chủ yếu cho ngành điện lực, nên bị chi phối bởi đầu tư của ngành điện, cạnh tranh quyết liệt với sản phẩm cùng loại của các nhà sản xuất trong nước và nước ngoài; sản phẩm chủ yếu là cấp điện áp trung, hạ thế (35kV, 45kV trở xuống), chưa đầu tư sản xuất được các mặt hàng cung cấp cho khách hàng có yêu cầu kỹ thuật, chất

lượng cao như Nhật Bản, Hàn Quốc, EU... Do vậy, về lâu dài công ty cần đầu tư, nghiên cứu, cải tiến đổi mới công nghệ, giảm giá thành, cải tiến quản lý mới có thể mở rộng, phát triển được thị trường.

PHẦN II - TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

I. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2019

- Năm 2019, mặc dù gặp rất nhiều khó khăn trong việc tiêu thụ sản phẩm do ngành điện cắt giảm đầu tư, giảm nhu cầu về sứ cách điện, nhưng công ty đã tổ chức tốt các biện pháp quản lý, điều hành bán hàng để tiếp tục duy trì giữ vững ổn định, bảo toàn vốn kinh doanh, có lợi nhuận, đảm bảo việc làm, thu nhập đời sống và an sinh xã hội của người lao động; hoàn thành các nghĩa vụ với nhà nước.
- Kết quả cụ thể về tình hình thực hiện so với kế hoạch năm và so với cùng kỳ được thể hiện theo bảng tổng hợp các chỉ tiêu dưới đây:

TT	Diễn giải	Đơn vị	Kế hoạch năm 2019	Thực hiện năm 2019 (384 lò)	So với KH năm 2019 (%)	So với cùng kỳ 2018 (%)
1	Sản lượng sản xuất	Tấn	3.000	3.141	104,69	113,90
2	Sản lượng tiêu thụ	Tấn	3.000	3.151	105,04	119,95
3	Doanh thu tiêu thụ	Tỷ đồng	100	106,02	106,02	125,90
	<i>Trong đó:</i> Xuất khẩu	Tỷ đồng	13	12,91	99,31	219,89
4	Tiền về	Tỷ đồng	108	115,78	107,20	134,51
5	Nộp ngân sách	Tỷ đồng	Đủ theo phát sinh	9.5	100,00	152,96
6	Nộp BHXH, BHYT, BHTN	Tỷ đồng		4.47	100,00	100,80
7	Lợi nhuận (trước thuế)	Tỷ đồng	16	24,29	151,81	117,12
8	Thu nhập bình quân	Triệu đ/ người/ tháng	≥ 7.8	8,10	103,83	103,83
9	Tỷ lệ thu hồi trung bình sản phẩm	Mộc TB = 78.0% (TB 2017: 77.0%);				
		Nung TB = 88,79% (TB 2017: 87,19%)				

II. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

1. Ban điều hành

❖ **Tóm tắt lý lịch Ban điều hành:**

T	Họ và tên	Chức vụ	năm sinh	Trình độ văn hoá	Trình độ chuyên môn
1	Ông Nguyễn Thanh Hà (Quốc tịch: Việt Nam)	Thành viên HĐQT Tổng Giám đốc	1965	10/10	Cử nhân kinh tế; kỹ sư xây dựng
2	Ông Vũ Ngọc San (Quốc tịch: Việt Nam)	Thành viên HĐQT Phó Tổng Giám đốc	1962	10/10	Cử nhân kinh tế

3	Bà Nguyễn Thị Kim Hoa (Quốc tịch: Việt Nam)	Thành viên HĐQT Phó Tổng Giám đốc	1962	10/10	Cử nhân kinh tế
4	Bà Vũ Nguyên Bình (Quốc tịch: Việt Nam)	Kế toán trưởng	1978	12/12	Cử nhân kinh tế

❖ **Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết của Ban điều hành:**

Số T T	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Số cổ phần (CP)	Giá trị cổ phần (triệu đồng)	Tỷ lệ góp vốn (%)	Số giấy CMND /Giấy CNĐKKD
1	Ông Nguyễn Thanh Hà	Số 964 đường Yên Ninh, Tổ 9, P.Minh Tân TP. Yên Bái, tỉnh Yên Bái	97.920	979,2	1,50	063167199
2	Ông Vũ Ngọc San	Tổ 9, P.Minh Tân, TP.Yên Bái, tỉnh Yên Bái	115.200	1.152	1,76	060166014
3	Bà Nguyễn Thị Kim Hoa	Tổ 9, P.Minh Tân, TP.Yên Bái, tỉnh Yên Bái	481.708	4.817,8	7,38	060577485
4	Bà Vũ Nguyên Bình	Tổ 28A, P.Nguyễn Thái Học, TP.Yên Bái, tỉnh Yên Bái	24.000	240	0,44	060579673

Quyền lợi của Ban điều hành được hưởng theo đơn giá khoán trong bộ đơn giá tiền lương của công ty. Tổng thu nhập năm 2019 của Ban điều hành là 1.820.043.900 đồng (năm 2018 là 1.222.076.900 đồng).

❖ **Những thay đổi trong Ban điều hành trong năm 2019:**

Năm 2019 không có sự thay đổi trong Ban điều hành.

2. Số lượng cán bộ công nhân viên và chính sách đối với người lao động

- Năm 2019, công ty duy trì số lao động thường xuyên 210 người (Trong đó: Nữ 82 người, đại học 53 người, cao đẳng 13 người, trung cấp 24 người, CNKT 120 người).
- Người lao động làm việc tại công ty theo khả năng đóng góp của mỗi cá nhân, được hưởng các quyền lợi, chế độ chính sách và phúc lợi theo quy định của Bộ Luật lao động, Điều lệ công ty, thỏa ước lao động tập thể và bộ đơn giá tiền lương của công ty.

III. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN LỚN

- Trong năm đã đầu tư XDCB và sửa chữa cải tạo một số hạng mục công trình như: Nhà để xe cho CBCNV; tường rào phía sau và bao quanh nhà nguyên liệu, tường rào phía kho gas; bộ điều khiển cho lò nung số 2; ổn áp cho lò nung số 3; 8 gian nhà kho nguyên liệu; móng, bồn, hệ thống đường ống kho gas... với chi phí khoảng trên 4,75 tỷ đồng.

IV. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

1. Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	So sánh 2019/2018 (%)
Tổng giá trị tài sản (đồng)	105,002,979,167	117,427,840,719	111.83
Doanh thu thuần (đồng)	84,090,786,513	106,009,368,905	126.07

Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (đồng)	19,703,752,777	23,843,441,940	121.01
Lợi nhuận khác (đồng)	1,038,180,780	448,676,705	43.22
Lợi nhuận trước thuế (đồng)	20,741,933,557	24,292,118,645	117.12
Thuế thu nhập doanh nghiệp (đồng)	4,154,879,466	4,904,191,590	118.03
Lợi nhuận sau thuế (đồng)	16,587,054,091	19,387,927,055	116.89
Lãi cơ bản trên cổ phần (đ/CP)	2,743	2,970	108.28
Tỷ lệ trả cổ tức (%)	15	(dự kiến) 32	213.33

2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	So sánh 2019/2018 (%)
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)	4.76	3.95	82.91
+ Hệ số thanh toán nhanh: (Tài sản ngắn hạn – Hàng tồn kho)/ Nợ ngắn hạn	3.10	2.28	73.59
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	14.70	17.25	117.34
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	17.23	20.84	120.96
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho: (Giá vốn hàng bán / Hàng tồn kho bình quân)	2.33	2.02	86.70
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0.80	0.90	112.73
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0.20	0.18	92.72
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0.19	0.20	107.74
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0.16	0.17	104.52
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0.23	0.22	96.12

V. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

1. Tình hình vốn và cổ đông

- **Vốn điều lệ:** 65.279.560.000 đồng (sáu mươi lăm tỷ, hai trăm bảy mươi chín triệu, năm trăm sáu mươi ngàn đồng chẵn), chia thành 6.527.956 cổ phần phổ thông với mệnh giá 10.000 đ/cổ phần (không có cổ phần ưu đãi).
- **Tổng số cổ đông:** 208 cổ đông (theo danh sách VSD chốt ngày 10/05/2019).

Trong đó:

- + *Cổ đông lớn*: 06 cổ đông, nắm giữ: 3.296.137 CP bằng 50,49% vốn điều lệ.
- + *Cổ đông nhỏ*: 202 cổ đông, nắm giữ: 3.231.819 CP bằng 49,51% vốn điều lệ.

2. Cơ cấu vốn cổ đông

Danh mục	Công ty chỉ có cổ đông trong nước		
	Số lượng cổ phiếu	Giá trị	Tỷ lệ (%)
1. Cổ đông Nhà nước:	0	0	0
2. Cổ đông nội bộ: (<i>HĐQT, Ban Tổng giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng</i>)	2.244.376	22.443.760.000	34,38

3. Cổ đông lớn (sở hữu từ 5% vốn điều lệ trở lên)

Số TT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Số cổ phần (CP)	Tỉ lệ góp vốn (%)	Số giấy CMND /Giấy CNĐKKD
1	Ông Nguyễn Khắc Sơn	Số 851, Tổ 11, P.Minh Tân, Tp.Yên Bái,	422.400	6,47	060146541
2	Bà Nguyễn Thị Kim Hoa	Tổ 9, P.Minh Tân, TP.Yên Bái, tỉnh Yên Bái	481.708	7,38	060577485
3	Ông Nguyễn Tĩnh Chinh	Tổ 3, Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội	618.470	9,47	019038000005
4	Bà Định Thị Lục	Tổ 48, P. Minh Tân, TP.Yên Bái, tỉnh Yên Bái	380.000	5,82	060164784
5	Ông Vũ Ngọc Cường	Số 39, Đường Đỗ Ngọc Thạnh, P.14, Q.5, Tp.Hồ Chí Minh	696.441	10,67	013639883
6	Ông Vũ Ngọc Hiếu	Tổ 9, P.Minh Tân, TP.Yên Bái, tỉnh Yên Bái	697.118	10,68	061042712
	Cộng		3.296.137	50,49	

4. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Trong năm vốn đầu tư của chủ sở hữu không thay đổi (giữ nguyên 65.279.560.000 đồng).

5. Giao dịch cổ phiếu quỹ

Công ty không có cổ phiếu quỹ nên không có giao dịch.

6. Chứng khoán khác

Không.

VI. BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu

- Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của công ty trong năm là 7.342,2 tấn.
- Báo cáo tỷ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của công ty:

- + Tỷ lệ thu hồi mộc: 78% (năm 2018: 77%), phế phẩm công đoạn này được thu hồi tái sử dụng 100%.
- + Tỷ lệ thu hồi nung 88,79% (năm 2018: 87,19%), phế phẩm công đoạn này được các đơn vị sản xuất vật liệu xây dựng khác mua lại 100% để làm nguyên liệu đầu vào.

2. Tiêu thụ năng lượng

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp:

- Tiêu thụ điện năng: 1.653.841 kW, bằng 111,46 % so với năm 2018 (năm 2018 là 1.483.741 kW).
- Mức tiêu hao: 526,53 kW/tấn sản phẩm nhập kho, bằng 97,86% so với năm 2018 (năm 2018 là 538,07 kW/tấn SP nhập kho).
- Tiêu thụ dầu diesel & gas: 1.220.453 lít & kg, bằng 109,67% so với 2018 (năm 2018 là 1.112.811,8 lít & kg).

Mức tiêu hao: 388,56 lít/ tấn sản phẩm nhập kho, bằng 96,26% so với 2018 (năm 2018 là 403,63 lít).

b) Các giải pháp sáng kiến tiết kiệm năng lượng:

- Cải tiến biện pháp quản lý, giám sát chặt chẽ, tuân thủ quy trình công nghệ, nâng cao tỷ lệ thu hồi sản phẩm dẫn đến tiết kiệm nhiên liệu, điện.
- Thay bóng điện tròn sợi đốt bằng bóng tuýp hoặc led để tiết kiệm điện; cải tạo nhà xưởng, dùng tấm lấy ánh sáng để tăng sử dụng ánh sáng tự nhiên.
- Cải tạo, nâng cấp, thay thế một số thiết bị cũ, tiêu thụ nhiều điện năng bằng thiết bị mới tiêu ít điện năng.
- Cải tạo lại hệ thống điện để giảm tổn thất điện năng.
- Cải tạo hệ thống cung cấp, thu hồi, tuần hoàn tái sử dụng nước, giảm lượng điện bơm nước.

c) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: Tương tự như năm 2018.

3. Tiêu thụ nước

- Lượng nước sử dụng để sản xuất kinh doanh năm 2019: 28.464 m³, bằng 95,32 % so với năm 2018 (năm 2018 là 29.863 m³).
- Mức tiêu hao: 9,06 m³/ tấn sản phẩm nhập kho, bằng 83,66% so với 2018 (năm 2018 là 10,83 m³).
- Nguồn cung cấp nước: Nước suối (dùng sản xuất), nước máy và nước ngầm (dùng sinh hoạt).
- Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: 85% thu hồi, tuần hoàn, tái sử dụng.

4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

- Công ty đã và đang áp dụng Hệ thống quản lý môi trường theo tiêu chuẩn quốc tế ISO14001:2015, nên công ty luôn tuân thủ các yêu cầu pháp luật về môi trường, ảnh hưởng của sản xuất, kinh doanh đến môi trường được giám sát và giảm thiểu. Công ty đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái cấp phép xả thải, sở Tài nguyên - Môi trường cấp xác nhận công trình bảo vệ môi trường; kết quả quan trắc môi trường theo định kỳ, các chỉ tiêu môi trường đều ở mức cho phép của quy chuẩn môi trường Việt Nam. Bên cạnh đó, từ cuối năm 2018 công ty đã cải tạo, chuyển đổi lò nung số 3 từ đốt bằng dầu sang đốt bằng gas LPG càng góp phần giữ gìn bảo vệ môi trường, tiết kiệm nhiên liệu, nâng cao chất lượng và tỷ lệ thu hồi sản phẩm.

- Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không
- Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không.

5. Chính sách liên quan đến người lao động

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động: Số lượng lao động duy trì 210 người. Thu nhập bình quân đạt 8,1 triệu đồng/người/tháng.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:

- Trong năm, công ty phối hợp cùng BCH Công đoàn cơ sở đã tổ chức cho 43 người lao động đi nghỉ dưỡng sức với chi phí 1.610.000 đồng/người; đảm bảo bữa ăn ca tại chỗ cho người lao động mức 18.000 đồng/xuất; bồi dưỡng 2 hộp sữa, 1 kg đường/người/tháng; đảm bảo các chế độ về bảo hộ lao động theo đúng quy định và thỏa ước lao động tập thể. Bên cạnh đó đã tặng quà ngày sinh nhật cho tất cả người lao động; tặng quà nhân ngày Quốc tế Phụ nữ 8/3, Ngày Phụ nữ Việt Nam 20/10, ngày Tết Trung thu và khen thưởng cho con đoàn viên công đoàn có thành tích học tập tốt... với tổng số tiền trên 188 triệu đồng và tổ chức các hoạt động thể thao, văn nghệ tạo khí thế thi đua trong lao động.
- Chủ động và phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và xã hội, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đánh giá, chứng nhận về mức lao động độc hại, nặng nhọc cho các công đoạn sản xuất làm cơ sở cung cấp các chế độ phù hợp với điều kiện lao động.
- Cải tạo hệ thống nhà xưởng đảm bảo đủ ánh sáng, thông gió, đảm bảo thoáng mát. Sửa chữa, đầu tư mới các thiết bị bảo hộ, bảo hiểm. Duy trì tốt hệ thống vệ sinh đảm bảo sạch sẽ và các công trình phúc lợi.
- Duy trì khám sức khỏe định kỳ cho người lao động 01 lần/năm. Duy trì tốt hoạt động của mạng lưới an toàn vệ sinh viên.

c) Hoạt động đào tạo người lao động

Người lao động được bồi dưỡng, thi nâng bậc theo nhu cầu sử dụng của công ty, quy định, quy chế và thỏa ước lao động tập thể.

6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với lao động, cộng đồng địa phương

- Trong năm, công ty phối hợp cùng BCH Công đoàn cơ sở đã vận động đoàn viên công đoàn quyên góp ủng hộ "Quỹ tấm lòng vàng", "Quỹ vì người nghèo", ủng hộ vùng bị thiệt hại do thiên tai, đoàn viên công đoàn có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, tặng quà, ủng hộ các phong trào văn hoá, văn nghệ thể thao... với tổng số tiền trên 448 triệu đồng; nhận hỗ trợ nuôi dưỡng 1 học sinh là con thương binh đến hết phổ thông trung học với mức hỗ trợ 1 triệu đồng/tháng.

PHẦN III - BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

I. ĐÁNH GIÁ VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT - KINH DOANH NĂM 2019

1. Về hoạt động sản xuất - kinh doanh

❖ *Những ưu điểm :*

- Các chỉ tiêu nhiệm vụ cơ bản đều hoàn thành và hoàn thành vượt mức kế hoạch. Thực hiện tốt việc nộp ngân sách, bảo hiểm xã hội và làm tốt công tác kiểm soát quản trị, tiết kiệm chi phí, tăng lợi nhuận.
- Thực hiện thường xuyên công tác bảo dưỡng, sửa chữa máy móc thiết bị, nhà xưởng, kiểm soát công nghệ, qua đó hoạt động sản xuất giữ được ổn định, sản lượng sản xuất, tỷ lệ thu hồi nung

- sản phẩm tăng hơn so với cùng kỳ; duy trì các hệ thống quản lý và công cụ kiểm soát chất lượng nhằm khắc phục, giảm thiểu khuyết tật, ổn định tỷ lệ thu hồi sản phẩm.
- Đã triển khai thực hiện chế thử một số sản phẩm sứ cao thế 110-220kV, tuy nhiên mới đang trong quá trình thử nghiệm.
 - Hoạt động kinh doanh bán hàng, thu tiền duy trì ổn định, giữ vững thị trường trong nước và xuất khẩu. Kết quả đạt được cao hơn so cùng kỳ; đảm bảo việc làm, thu nhập cho người lao động, bảo toàn vốn và hoàn thành các nghĩa vụ với Nhà nước và xã hội.
 - Thực hiện nghiêm túc các yêu cầu của pháp luật về lao động, môi trường, phòng chống cháy nổ, công tác bảo hộ lao động, đảm bảo môi trường lao động vệ sinh an toàn.
 - ❖ *Tuy nhiên bên cạnh đó còn một số hạn chế như:*
 - Còn chưa thực sự làm chủ công nghệ, thiết bị sản xuất nên có giai đoạn tỷ lệ thu hồi giảm, không đáp ứng kịp yêu cầu về số lượng và chất lượng sản phẩm cung cấp cho khách hàng. Công tác chế thử để tạo ra sản phẩm mới có cải thiện nhưng vẫn còn hạn chế.
 - Việc đầu tư mới, nâng cấp, sửa chữa máy móc thiết bị, nhà xưởng đã có nhiều đổi mới nhưng còn ở mức khiêm tốn; việc duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, kiểm soát máy móc, thiết bị vẫn còn hạn chế.
 - Hoạt động nắm bắt thông tin, khách hàng, dự báo tình hình thị trường của các văn phòng đại diện còn hạn chế, chưa kịp thời; quản trị điều hành nội bộ, quy trình cung cấp vật tư và việc cung ứng vật tư có lúc, có chủng loại còn chậm và chùng chéo.

2. Những tiến bộ của công ty năm 2019

- ✓ Thị trường, khách hàng tiếp tục được giữ vững, tạo được lòng tin với khách hàng; không phát sinh công nợ khó đòi mới.
- ✓ Doanh thu, lợi nhuận, sản lượng sản xuất đều hoàn thành kế hoạch và tăng cao hơn so với năm 2018. Hoàn thành đầy đủ các nghĩa vụ với Nhà nước và các chế độ cho người lao động. Thu nhập của người lao động ổn định.
- ✓ Duy trì và thực hiện tốt các hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn Quốc tế ISO 9001:2015; ISO14001: 2015; ISO/IEC 17025: 2005 và hợp chuẩn sản phẩm theo TCVN 7998-1: 2009.
- ❖ *Kết quả thi đua năm 2019:*
 - ✓ Về Tập thể: Tập thể LĐTT đạt 7 tập thể; Tập thể LĐXS đạt 16 tập thể, trong đó đề nghị UBND tỉnh xét tặng bằng khen cho 3 tập thể, tặng cờ thi đua xuất sắc cho Công ty.
 - ✓ Về cá nhân: LĐTT đạt 153 người; Danh hiệu CSTĐ cấp cơ sở đạt 43 người, trong đó đề nghị UBND tỉnh tặng bằng khen cho 16 cá nhân.
 - ✓ Về Sáng kiến cải tiến kỹ thuật:
 - Có 6 sáng kiến, giải pháp kỹ thuật đã được Hội đồng khoa học kỹ thuật công ty xét duyệt với tổng số tiền thưởng là 42 triệu đồng.
 - ✓ Công tác xây dựng Đảng và duy trì hoạt động của các tổ chức đoàn thể chính trị Công đoàn, Đoàn Thanh niên, Hội Cựu chiến binh được quan tâm tạo điều kiện. Các hoạt động của các tổ chức chính trị đã tạo ra được không khí vui tươi, phấn khởi hăng say lao động sản xuất và được cấp trên đánh giá cao.

II. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

1. Tình hình tài sản

- Số liệu tổng giá trị tài sản thời điểm 31/12/2019 là 117.427.840.719 đồng, bằng 111,83% so với năm 2018.

2. Tình hình công nợ

- Năm 2019 công ty xác định có đầy đủ khả năng thanh toán 100% đối với tất cả các khoản công nợ phải trả; hệ số thanh toán ngắn hạn = 3,95 (so với cùng kỳ = 82,91%), hệ số thanh toán nhanh = 2,28 (so với cùng kỳ = 73,59%).

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

- Phân công công việc, phân cấp trách nhiệm cụ thể cho từng thành viên Ban Điều hành, các tập thể và cá nhân người lao động.
- Có chính sách cụ thể, sát thực để khuyến khích người lao động nâng cao năng suất lao động, cải thiện thu nhập cho người lao động.
- Cải tiến phương pháp quản lý, giám sát để nâng cao chất lượng sản phẩm và đặc biệt tỷ lệ thu hồi sản phẩm tăng hơn so với năm 2018.

4. Kế hoạch sản xuất - kinh doanh năm 2020

(Theo kế hoạch chi tiết nêu tại Mục V, phần IV).

5. Giải trình của Ban Tổng giám đốc đối với ý kiến kiểm toán

(Nêu tại Báo cáo tài chính năm 2019 đã được kiểm toán).

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

(Chi tiết nêu tại Mục VI, Phần II).

PHẦN IV - ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ CÔNG TY

I. ĐÁNH GIÁ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CỦA HĐQT VÀ CÔNG TY

- ✓ Năm 2019, bên cạnh những thuận lợi thì cũng là năm gặp nhiều khó khăn của công ty trong kinh doanh. Áp lực cạnh tranh giữa các nhà sản xuất và cung cấp sản phẩm sử dụng cùng loại ngày càng gia tăng, cạnh tranh quyết liệt, phải giảm giá bán, giảm lợi nhuận, trong khi khả năng tiêu thụ của thị trường nội địa cũng như xuất khẩu có hạn... làm ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả sản xuất - kinh doanh của công ty. Cơ sở hạ tầng, máy móc, thiết bị mặc dù đã đầu tư thêm một số thiết bị, nhưng nhiều máy móc đã cũ kỹ, sử dụng lâu năm nên hay hỏng hóc, phải sửa chữa thường xuyên. Bên cạnh đó công nghệ sản xuất đã lạc hậu, đội ngũ chuyên gia trong lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ sản xuất của công ty còn thiếu và còn hạn chế,..., nhưng với sự đoàn kết, quyết tâm cao của HĐQT, lãnh đạo công ty cũng như toàn thể cán bộ công nhân viên nên các mặt hoạt động của công ty giữ được ổn định và có mức tăng trưởng cao hơn so với năm 2018; sản lượng sản xuất, tỷ lệ thu hồi sản phẩm, doanh thu, lợi nhuận đều đạt và vượt mức kế hoạch; nộp ngân sách, bảo hiểm đầy đủ theo số phát sinh và làm tốt công tác kiểm soát

quản trị, bảo toàn được vốn; các nguồn lực được sử dụng hợp lý, hiệu quả, tiết kiệm chi phí, giảm giá thành; đảm bảo thu nhập, đời sống cho người lao động; hoàn thành nhiệm vụ quân sự quốc phòng, đảm bảo an ninh an toàn công ty. Công tác xây dựng Đảng và duy trì hoạt động của các tổ chức đoàn thể chính trị, chính trị xã hội trong công ty được quan tâm tạo điều kiện.

- ✓ Hoạt động của Hội đồng quản trị thực hiện theo đúng quy định tại Điều lệ, các quy định, quy chế quản lý nội bộ và pháp luật hiện hành, thường xuyên giám sát hoạt động của Ban điều hành và công ty.
- ✓ Hoàn thành việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 20/4/2019. Thực hiện chi trả cổ tức năm 2018 cho các cổ đông đúng quy định.
- ✓ Hoàn thành kiểm toán độc lập báo cáo tài chính năm 2018 và công bố thông tin công ty đại chúng theo quy định. Hoàn thành quyết toán tài chính các quý của năm và lựa chọn đơn vị cung ứng dịch vụ kiểm toán độc lập đã tiến hành kiểm toán và hoàn thành báo cáo tài chính năm 2019.

II. THÙ LAO, CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG VÀ CÁC LỢI ÍCH KHÁC CỦA HĐQT

(Được đề cập trong Báo cáo tài chính năm 2019 đã kiểm toán, được đăng tải tại mục quan hệ cổ đông trên trang Website www.hoceratec.com.vn của Công ty).

III. TỔNG KẾT CÁC CUỘC HỌP VÀ CÁC QUYẾT ĐỊNH CỦA HĐQT TRONG NĂM 2019

Trong năm, HĐQT đã tổ chức 2 kỳ họp và ban hành 2 nghị quyết về: Triệu tập Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 vào ngày 20/04/2019; thông qua Báo cáo tài chính năm 2018 đã được Công ty TNHH Kiểm toán VACO kiểm toán và các báo cáo, tài liệu, nội dung chương trình, phân công nhiệm vụ và công tác chuẩn bị để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên; Thông qua phương án phân phối lợi nhuận, chia cổ tức và chi trả cổ tức năm 2018; kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2019; Thông qua chủ trương tổ chức Lễ kỷ niệm 40 năm thành lập công ty gắn với hội nghị khách hàng vào khoảng tháng 10 - 11 năm 2020. Lựa chọn, phê duyệt Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC là đơn vị làm dịch vụ kiểm toán báo cáo tài chính 9 tháng và báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty; Thông qua chủ trương sửa chữa lớn, cải tạo chuyển đổi lò nung số 1 từ đốt bằng dầu sang đốt bằng LPG; Thông qua chủ trương triển khai dự án chuyển giao công nghệ sản xuất sứ cách điện cao thế 110 - 220kV đạt tiêu chuẩn Quốc tế IEC trên dây truyền sản xuất của Công ty.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng giám đốc đã chủ động, tích cực, cẩn trọng trong điều hành, tuân thủ pháp luật, Điều lệ Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, cơ bản hoàn thành nhiệm vụ năm 2019, đảm bảo lợi ích hợp pháp của công ty và các cổ đông.

V. CÁC KẾ HOẠCH VÀ ĐỊNH HƯỚNG CỦA HĐQT

1. Kế hoạch sản xuất - kinh doanh năm 2020

Trên cơ sở đánh giá kết quả lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ năm 2019 và nhận định tình hình chính trị, kinh tế xã hội trong nước và thế giới năm 2020 vẫn còn diễn biến phức tạp, đặc biệt hiện đang bị ảnh hưởng nặng nề bởi dịch bệnh viêm phổi cấp COVID-19; bên cạnh đó điều kiện sản xuất - kinh doanh của công ty có cả những thuận lợi và đan xen khó khăn, thách thức... Do đó HĐQT đề xuất một số chỉ tiêu kế hoạch, nhiệm vụ trọng tâm năm 2020 như sau:

- Sản lượng sản xuất, tiêu thụ: 3.100 tấn;

- Doanh thu tiêu thụ: 103 tỷ đồng (Trong đó xuất khẩu 12 tỷ đồng);
- Thu tiền về: 112 tỷ đồng;
- Nộp ngân sách: Đủ số phát sinh (dự kiến 8,0 tỷ đồng);
- Nộp BHXH, BHYT, BHTN: Đủ số phát sinh (dự kiến 4,6 tỷ đồng);
- Lợi nhuận trước thuế: Đạt từ 17% doanh thu trở lên;
- Tỷ lệ thu hồi sản phẩm mộc: Đạt 78% trở lên; Tỷ lệ thu hồi sản phẩm nung: Đạt 89% trở lên;
- Tạo việc làm ổn định cho khoảng 210 lao động với thu nhập bình quân người lao động đạt từ 8,0 triệu đồng/người/tháng trở lên;
- Hoàn thành tốt nhiệm vụ an ninh, quốc phòng; Tạo điều kiện tốt nhất cho tổ chức Đảng và các đoàn thể hoạt động.

2. Một số nhiệm vụ và giải pháp cơ bản để thực hiện kế hoạch năm 2020

❖ Nhóm giải pháp về tổ chức, quản trị:

- Tiếp tục đổi mới công tác quản trị, điều hành nội bộ, phân định rõ nhiệm vụ, trách nhiệm của từng cá nhân, bộ phận, lãnh đạo. Có cơ chế thưởng - phạt rõ ràng để khuyến khích người lao động nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả công việc. Kịp thời điều chỉnh mức lương - thu nhập khi có những bất hợp lý trong quá trình thực hiện; Sửa đổi, bổ sung hệ thống định mức kinh tế kỹ thuật, đơn giá các quy định nội bộ nếu bất hợp lý.
- Duy trì tốt công tác quản lý trật tự nội vụ; giữ nghiêm kỷ luật về giờ giấc làm việc, nghỉ ngơi; Tổ chức đào tạo kiến thức quản lý và kiến thức chuyên môn đối với cán bộ và tổ chức đào tạo tay nghề, kiến thức về an toàn, vệ sinh, phòng chống bệnh nghề nghiệp và ý thức tự giác thực hiện nhiệm vụ đối với người lao động.

❖ Nhóm giải pháp cho hoạt động kinh doanh, đầu tư - tài chính:

- Tiếp tục đầu tư, đổi mới dần các hạng mục thiết bị (như sửa chữa cải tạo lò nung số 1 sang đốt bằng LPG, đưa lò nung số 2 đốt hoàn toàn bằng tự động, đầu tư máy tráng men, máy lọc ép, máy tạo hình ngang, các thiết bị phục vụ nghiên cứu, phân tích, kiểm tra, thử nghiệm...) và có chính sách đẩy mạnh nghiên cứu khoa học, công nghệ, từng bước đổi mới và áp dụng công nghệ sản xuất sứ cách điện tiên tiến áp dụng vào quá trình sản xuất của công ty để không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm, tạo ra được các sản phẩm mới và sản phẩm đặc thù cho ngành điện lực (như làm được sứ cao thế 110-220kV và một số sản phẩm sứ cách điện đòi hỏi yêu cầu kỹ thuật, độ chính xác cao...).
- Tiếp tục cải tiến, đổi mới phương thức, cơ chế quản lý, điều hành bán hàng, thanh toán tiền, dịch vụ bán hàng, hoạt động quảng bá thương hiệu, nhãn hiệu hàng hóa để giữ vững ổn định và phát triển thị trường tiêu thụ sản phẩm. Tiếp tục tìm hiểu phân loại khách hàng để có cơ chế mua bán phù hợp, đảm bảo không để khách hàng chiếm dụng vốn; không để phát sinh công nợ khó đòi mới.
- Tăng cường và thường xuyên đi công tác thị trường, tiếp xúc khách hàng, xúc tiến thương mại... để nắm bắt kịp thời tình hình thị trường, khách hàng và linh hoạt giải quyết tất cả các thương vụ để giữ được khách hàng.
- Đánh giá lựa chọn đơn vị cung cấp vật tư, chống độc quyền trong việc cấp hàng hóa; tích cực tìm kiếm nhà cung cấp hàng hóa, vật tư, cung ứng dịch vụ tốt, đáp ứng yêu cầu chất lượng, tiến độ cho sản xuất đồng thời có sự cạnh tranh để đảm bảo hiệu quả và sự chủ động;
- Xây dựng kế hoạch và kiểm soát thực hiện sử dụng vốn, tài sản, khấu hao đáp ứng được yêu cầu quản trị - điều hành.

❖ *Nhóm giải pháp về kỹ thuật, sản xuất và quản lý chất lượng:*

- Kiểm soát tốt và nâng cao hiệu quả của việc tách riêng hai dây truyền sản xuất và đẩy mạnh thực hiện các giải pháp làm tăng và duy trì ổn định tỷ lệ thu hồi sản phẩm. Tiếp tục duy trì thực hiện các biện pháp cụ thể để tiết kiệm chi phí sản xuất.
- Xây dựng kế hoạch và chủ động thực hiện bảo dưỡng, sửa chữa máy móc thiết bị, nhà xưởng để đảm bảo tiến độ sản xuất; chủ động trong việc phòng ngừa, xử lý không để xảy ra sự cố và khắc phục nhanh, có biện pháp phòng ngừa sự cố trong sản xuất.
- Từng bước có những thay đổi cải tiến công nghệ, phối liệu, đáp ứng yêu cầu của thị trường và phát triển thị trường - sản phẩm mới, kỹ thuật cao. Tăng cường năng lực cho nghiên cứu, thiết kế chế thử sản phẩm mới để thỏa mãn nhu cầu của khách hàng. Trước mắt phấn đấu làm được một vài loại sản phẩm sứ cao thế 110 - 220kV để đưa vào thị trường và thực hiện được bài men và chu trình đốt nung lại sản phẩm.
- Thực hiện nghiêm công tác kiểm tra, giám sát, thử nghiệm chất lượng vật tư, nguyên nhiên vật liệu đầu vào, sản phẩm nhập kho theo đúng tiêu chuẩn cơ sở và tiêu chuẩn quy định của sản phẩm; có biện pháp kiểm tra nhanh và kiểm soát được các thông số của quá trình gia công nguyên liệu. Tiếp tục phát huy việc áp dụng của 3 Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế ISO9001, ISO14001, ISO/IEC17025 và công cụ 5S xuyên suốt trong quá trình hoạt động sản xuất - kinh doanh của công ty.

PHẦN V - BÁO CÁO TÀI CHÍNH

I. Ý KIẾN KIỂM TOÁN

(Ý kiến kiểm toán được đề cập trong Báo cáo tài chính năm 2019, đã được kiểm toán và đăng tải tại mục quan hệ cổ đông trên trang website www.hoceratec.com.vn của Công ty).

II. BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

(Báo cáo tài chính năm 2019 đã kiểm toán, được đăng tải tại mục quan hệ cổ đông trên trang website www.hoceratec.com.vn của Công ty).

Trên đây là báo cáo thường niên năm 2019, được lập dựa trên cơ sở tổng kết hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019; kế hoạch, giải pháp năm 2020; định hướng phát triển công ty nhiệm kỳ 2016 - 2020. Báo cáo đã được Hội đồng Quản trị công ty thông qua ngày 06/05/2020. HĐQT xin trình Đại hội đồng cổ đông thường niên công ty./.

Nơi nhận: 

- Các cổ đông;
- Thành viên HĐQT, BDH;
- Ban kiểm soát;
- Công bố thông tin trên trang điện tử UBCKNN, HNX, công ty;
- Lưu: HĐQT.



PHẦN I - TỔNG QUAN VỀ CÔNG TY CỔ PHẦN SỬ KỸ THUẬT HOÀNG LIÊN SON	1
I. THÔNG TIN CHUNG	1
II. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CỦA CÔNG TY	1
1. Quá trình hình thành và phát triển	1
2. Các sự kiện khác.....	2
3. Tình hình phát triển	2
III. NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH.....	4
1. Ngành nghề kinh doanh	4
2. Địa bàn kinh doanh.....	4
IV. THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ.....	5
1. Mô hình quản trị và cơ cấu bộ máy quản lý, điều hành trong công ty.....	5
2. Thông tin về Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban điều hành công ty.....	5
2.1. Hội đồng quản trị.....	5
2.2. Ban Kiểm soát:	6
2.3. Ban điều hành.....	6
V. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN	6
1. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty nhiệm kỳ 2016-2020.....	6
2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn.....	7
3. Các rủi ro.....	7
PHẦN II - TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM	8
I. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2019	8
II. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ.....	8
1. Ban điều hành.....	8
2. Số lượng cán bộ công nhân viên và chính sách đối với người lao động.....	9
III. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN LỚN	9
IV. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH.....	9
1. Tình hình tài chính.....	9
2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu.....	10
V. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU	10
1. Tình hình vốn và cổ đông.....	10
2. Cơ cấu vốn cổ đông	11
3. Cổ đông lớn (sở hữu từ 5% vốn điều lệ trở lên).....	11
4. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	11
5. Giao dịch cổ phiếu quỹ	11
6. Chứng khoán khác	11
VI. BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY.....	11
1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu.....	11
2. Tiêu thụ năng lượng.....	12
3. Tiêu thụ nước	12
4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường	12
5. Chính sách liên quan đến người lao động	11
6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương.....	13
PHẦN III - BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	13
I. ĐÁNH GIÁ VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT - KINH DOANH NĂM 2019	13
1. Về hoạt động sản xuất - kinh doanh	13
2. Những tiến bộ của công ty năm 2019	13
II. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH	15
1. Tình hình tài sản	15

2. Tình hình công nợ.....	15
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý	15
4. Kế hoạch sản xuất - kinh doanh năm 2020	15
5. Giải trình của Ban Tổng giám đốc đối với ý kiến kiểm toán	15
6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty	15
PHẦN IV - ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ CÔNG TY.....	15
I. ĐÁNH GIÁ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CỦA HĐQT VÀ CÔNG TY.....	15
II. THÙ LAO, CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG VÀ CÁC LỢI ÍCH KHÁC CỦA HĐQT.....	16
III. TỔNG KẾT CÁC CUỘC HỌP VÀ CÁC QUYẾT ĐỊNH CỦA HĐQT TRONG NĂM 2019.....	16
IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC.....	16
V. CÁC KẾ HOẠCH VÀ ĐỊNH HƯỚNG CỦA HĐQT.....	16
1. Kế hoạch sản xuất - kinh doanh năm 2020	16
2. Một số nhiệm vụ và giải pháp cơ bản để thực hiện kế hoạch năm 2020.....	17
PHẦN V - BÁO CÁO TÀI CHÍNH.....	18
I. Ý KIẾN KIỂM TOÁN	18
II. BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN.....	18